

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần NTACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600513044
- Vốn điều lệ: 119.999.980.000đ (*Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 119.999.980.000.000 đồng
- Địa chỉ: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại: 0763. 931 931
- Số fax: 0763.931 797
- Website: www.natcocorp.com.vn
- Mã cổ phiếu: ATA

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của NTACO là Công ty TNHH Tuấn Anh được thành lập ngày 15/08/2000 với số vốn điều lệ ban đầu là 2.700.000.000 đồng, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là chăn nuôi cá bè, xây dựng cầu đường, giao thông thủy lợi... trụ sở đặt tại 231/B9 Huỳnh Thúc Kháng, Tp Long Xuyên, An Giang.

Theo xu hướng phát triển chung của ngành nuôi trồng chế biến thủy sản và khả năng nắm bắt cơ hội, năm 2002 Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành cho xây nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh và bắt đầu đi vào hoạt động từ 09/2003 và nâng vốn điều lệ lên 35.112.080.000 đồng, đồng thời tiến hành dời trụ sở về 99 Hùng Vương, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đến ngày 11/04/2007 NTACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 5203000066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 11/04/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19/03/2008

Ngày 08 tháng 09 năm 2009 Công ty chính thức niêm yết 10.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là ATA.

Năm 2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 119.999.980.000 đồng và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành số: 1600513044 do Sở kế Hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 05 năm 2012.

Tại Đại hội cổ đông ngày 03 tháng 11 năm 2015 Công ty đã bầu lại nhân sự chủ chốt và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 12 tháng 11 năm 2015.

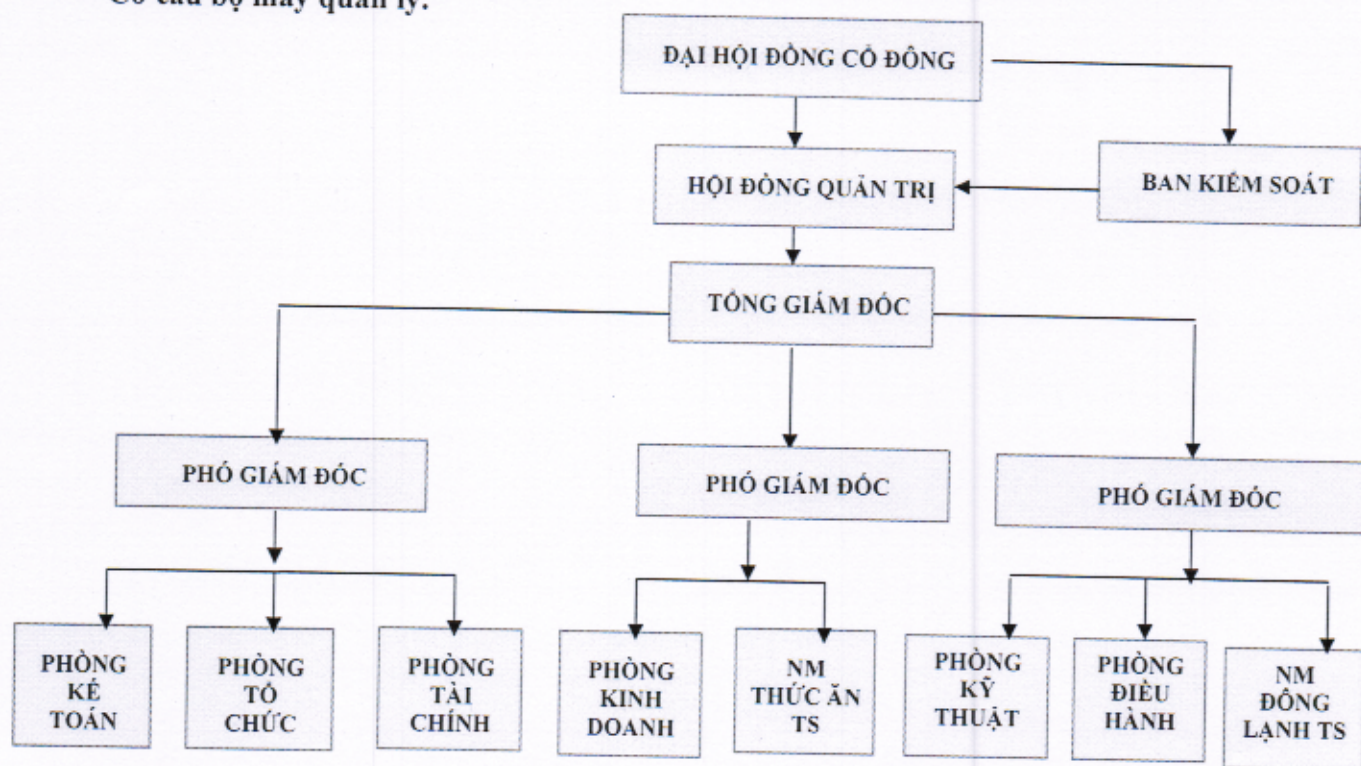
3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn thủy sản, sản xuất, mua bán bao bì giấy, bao bì PE, PP, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá, nuôi cá, mua bán cá và thủy sản...
- **Địa bàn kinh doanh:** Địa bàn kinh doanh là trong tỉnh. Tuy nhiên, do đặc thù là ngành chế biến cá tra xuất khẩu nên phần lớn nguồn thu của Công ty là ngoài nước.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- **Mô hình quản trị Công ty gồm:** Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý.**



- **Các công ty con, công ty liên kết:** Công ty cổ phần Âu Việt, chiếm 15% vốn điều lệ Công ty này. Công ty cổ phần Âu Việt có trụ sở chính tại Ấp Trung Bình Nhất, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Ngành nghề chính là nuôi trồng thủy sản, mua bán cá, chế biến tro trấu..

5. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu và chiến lược phát triển Công ty:** Phát triển Công ty trong thời gian tới là trở thành Công ty xuất khẩu thủy sản mạnh và nằm trong top đầu các Công ty xuất khẩu thủy sản.
- **Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:** Là ngành cần nhiều lao động, hiện Công ty đang tạo việc làm cho hơn 500 lao động trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy đông lạnh và vùng nuôi thủy sản để đảm bảo nguồn nước thải không ảnh hưởng đến môi trường.

6. **Các rủi ro:** Kinh tế còn trong giai đoạn khó khăn, nên rủi ro lớn nhất hiện tại là việc thanh toán tiền hàng từ nước ngoài. Tuy nhiên, rủi ro này cũng được hạn chế vì phần lớn khách hàng của Ntaco trong thời điểm này là những khách hàng quen biết, có quan hệ thường xuyên và lâu năm.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/giảm
Doanh thu thuần	84.624.272.838	60.761.511.459	(23.862.761.379)
Lợi nhuận sau thuế	(425.667.351.283)	1.476.046.412	(424.191.304.871)

Doanh thu, lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ là do Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hàng tồn kho tăng cao.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1. Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Sơn
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 011611615; cấp ngày: 11/05/2013; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 10/07/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Đông Anh- Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763.931931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2001 đến nay: Chủ tịch Cty cp thu nợ Dân An
 - + Từ 2009 đến nay: Chủ tịch Công ty cp Đấu giá Đại Nam
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Cty cp thu nợ Dân An, Chủ tịch Công ty cp Đấu giá Đại Nam, Chủ tịch Công Ty CP Đầu Tư Việt Nhật.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.800.080 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Hồ Mạnh Dũng
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 350002939; cấp ngày: 10/07/2006; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/04/1951
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 499 Quảng Cơ Thành, Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763.940837

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp
- Quá trình công tác:
- + Từ 1975 đến 2007: Công tác tại văn phòng tỉnh ủy
- + Từ 2007 đến 2011: Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư du lịch và Phát triển thủy sản- Cty thành viên tập đoàn Sao Mai
- + Từ 2012 đến nay: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Sao Mai
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Sao Mai
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Tùng
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 011286252; cấp ngày: 21/09/2010; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 05/09/1968
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Phường hàng Đào , Q.Hoàn Kiếm
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0936776677
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học bách khoa

- Quá trình công tác:
- + Từ 1986 đến 1993: Sinh viên đại học bách khoa Hà nội
- + Từ 1993 đến 1997: Cửa hàng dịch vụ kỹ thuật tin học
- + Từ 1999 đến nay: Giám Đốc Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Và TM Bảo Anh.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Giám Đốc Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Và TM Bảo Anh.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.1.2. Ban Giám đốc

- a. Phó Tổng Giám đốc: Huỳnh Thị Tuyết Trinh
 - Giới tính: Nữ
 - Số CMND: 351834337; cấp ngày: 27/04/2004; Nơi cấp: An Giang
 - Ngày, tháng, năm sinh: 02/08/1987
 - Nơi sinh: An Giang
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: An Giang
 - Địa chỉ thường trú: Mỹ An I, Mỹ Hòa Hưng, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
 - Số điện thoại liên lạc: 0763.931931
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác
 - + Từ 09/2009 –10/2015 Nhân viên Công ty cổ phần NTACO

+ Từ 11/2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần NTACO

- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Phó Tổng Giám đốc: Lý Văn Phát

- Giới tính: Nam
- Số CMND: 35142198; cấp ngày: 08/03/2016; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/07/1982
- Nơi sinh: An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Bình Hòa, Châu Phú, tỉnh An Giang
- Số điện thoại liên lạc: 0763.931931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác

+ Từ 2006 – 2008 Công tác tại Công ty cổ phần AGIFISH (AGF)

+ Từ 2008 - 2010 Công tác tại Công ty QVD

+ Từ 2010 - 2015 Công tác tại Công ty Hòa Phát

+ Từ 2015 đến nay Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Thị Dung

- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 350 058 770; cấp ngày: 11/04/2005; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/12/1960
- Nơi sinh: Châu Đốc, An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: 52/2A Lý Thái Tổ, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763.665100
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản
- Quá trình công tác
 - + Từ 2000 đến 2005: Công tác tại Trung tâm giống Thủy sản – Sở Nông nghiệp tỉnh An Giang
 - + Từ 2000 đến 2007: Công tác tại Hiệp hội nghề cá tỉnh An Giang (AFA)
 - + Từ 2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ntaco, Giám đốc nhà máy thức ăn thủy sản Việt Thái
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhà máy thức ăn thủy sản Việt Thái, phó Tổng Giám đốc Công ty cp NTACO
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 19.920 cổ phần.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.1.3. Ban kiểm soát

a. Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên : Nguyễn Hữu Đông
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 18/10/1985
- Nơi sinh : An Giang
- Số chứng minh nhân dân : 351572617
- Nơi cấp : Công An An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Mỹ Luôn, Chợ Mới, An Giang
- Điện thoại liên lạc : 0933430400
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác : Từ 2008 đến nay- Phòng kinh doanh Công ty cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 0
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm, Công ty có sự thay đổi Ban điều hành như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm 03/11/2015
2	Nguyễn Hải Vân Chung	Thành viên HĐQT	Bãi nhiệm 27/12/2016
3	Hồ Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm 03/11/2015
4	Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	Bãi nhiệm 01/10/2016
5	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Bãi nhiệm 20/05/2016
6	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm 20/05/2016
7	Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT	Bãi nhiệm 03/11/2015
8	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	P. Tổng Giám Đốc	Bỏ nhiệm 15/12/2015
9	Lý Vĩ Phát	P. Tổng Giám Đốc	Bỏ Nhiệm 15/12/2015
10	Phạm Thanh Trúc	P. Tổng Giám Đốc	Bỏ Nhiệm 15/12/2015
11	Phạm Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ việc 30/09/2016
12	Trần Minh Trọng	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm 09/12/2015

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 370 người, cơ cấu lao động như sau:

Bộ phận	Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Thạc sỹ	02	1.23%

Khối sản xuất	Đại học	06	3.68%
	Cao đẳng, trung cấp	01	0.61%
	Đại học	06	3.68%
	Cao đẳng, trung cấp	26	15.95%
	Lao động phổ thông	122	74.85%
Tổng cộng		163	100,00%

3.2. Chính sách đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc từ thứ Hai tới sáng thứ Bảy, nghỉ chiều thứ bảy và ngày Chủ nhật. Do đặc điểm của sản xuất chế biến thủy sản, người lao động làm việc tại bộ phận thành phẩm và bộ phận kho được chia làm 02 ca/ngày làm việc mỗi ca làm việc 8h. Đối với khối văn phòng và các bộ phận khác chỉ làm việc 01 ca/ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Đối với công nhân sản xuất sản phẩm đông lạnh, do thường xuyên phải tiếp xúc với môi trường ẩm ướt, lạnh nên Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định của nhà nước như: quần, áo, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng... Đối với công nhân phụ trách điện được công ty trang bị quần áo, găng tay, giày... không dẫn điện và các dụng cụ sử dụng an toàn điện như dây bảo hiểm, thang, kèm cách điện, mũ an toàn...

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Tuyển dụng: Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho nhà máy chế biến và từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học An Giang, Cần Thơ, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong nhà máy chế biến cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với công nhân nhà máy chế biến, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo như các khóa đào tạo về tiêu chuẩn HACCP, các khóa đào tạo BRC (British Retail Consortium) của Hiệp hội Bán lẻ Anh Quốc...

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Công ty có khu tập thể cho các cán bộ quản lý của nhà máy.

Bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp. Ngoài ra, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn cho cán bộ công nhân viên tại Công ty Bảo hiểm Bảo Minh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn

b) Các công ty con, công ty liên kết: Ntaco đã góp 15% vốn điều lệ vào Công ty cổ phần Âu Việt.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 11.999.998 cổ phiếu.
- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ và tên	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Sơn	1.800.080	15%	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Dung	30.000	0.25%	Phó Tổng Giám Đốc
3	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	0	0%	Phó Tổng Giám Đốc
4	Lý Vĩ Phát	0	0%	Phó Tổng Giám Đốc
5	Cổ đông khác	10.169.918	84.75%	
Tổng cộng		11.999.998	100%	

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) **Các chứng khoán khác:** Hiện tại, Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thương, trái phiếu...

4. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

Trong năm 2016 do những ảnh hưởng nền kinh tế Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dvt: Triệu đồng

Khoản mục	Kế hoạch 2015	Kết quả 2015	So với kế hoạch
Doanh thu thuần	300.000.000.000	84.624.272.838	(71.79%)
Lợi nhuận	3.000.000.000	(425.667.351.283)	(14.188%)

Doanh thu, lợi nhuận giảm mạnh so với kế hoạch. Kết quả trên đã phản ánh đúng với tình hình thực tế trong năm qua, tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn

2. Tình hình tài chính

Khoản mục	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	628.929.595.080	111.307.152.526	(82.30)%
Tài sản dài hạn	139.935.664.925	52.797.152.477	(62.27)%
Nợ ngắn hạn	627.041.667.786	464.970.381.404	(25.85)%
Nợ dài hạn	-	-	-

Kết quả trên cho thấy tình hình tài sản Công ty trong năm qua giảm biến động, tài sản ngắn hạn giảm (82.30)%, tài sản dài hạn giảm (62.27)%. Trong khi đó nợ ngắn hạn giảm (25.85)%.

4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty đã đi vào ổn định, riêng với chính sách cho người lao động Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, trợ cấp, lương thưởng và các phúc lợi khác...

4.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay, việc đưa ra kế hoạch phát triển dài hạn sẽ khó đạt được. Vì thế, để đảm bảo cho kế hoạch đưa ra, Công ty sẽ dựa trên tình

hình thực tế để đề xuất kế hoạch cho từng năm cụ thể. Việc đề xuất kế hoạch sẽ được Đại hội cổ đông thường niên thông qua hàng năm.

5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động Công ty, các quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty từ đó đề ra các quyết định phù hợp. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Nhìn chung, ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội cổ đông và thực hiện tốt công tác điều hành hoạt động của mình.

Tuy nhiên, sự khó khăn trong nước cũng như quốc tế đã làm cho kết quả kinh doanh sụt giảm mạnh và không hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm.

6. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ Tịch HĐQT	1.800.080	15%
2	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0	0.00%
3	Hồ Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	0	0.00%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, mà cử các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự, tiền lương, thưởng Công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
1	01/BB-HĐQT/2016	20/05/2016	Biên bản HĐQT v/v tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

2	Số: 01/NQ-ĐHCD/2016	20/05/2016	Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
---	---------------------	------------	---

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Hữu Đông	Thành viên BKS	0	0.00%

b) **Hoạt động của Ban kiểm soát:** Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra các hoạt động Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2015, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác.

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

7. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 030/2017/BCKT-PKF.HCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần NTACO được lập ngày 12 tháng 02 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày từ trang 08 đến trang 34 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc tự xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi vẫn chưa thu thập được thư xác nhận của các khoản phải thu, phải trả tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Các khoản mục	Số dư 31.12.2016	Số dư 01.01.2016	Thuyết minh
Phải thu khách hàng	153.959.714.861	143.150.509.765	V.3
Trả trước người bán	69.161.533.409	69.039.801.370	V.4
Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.480.000.000	10.480.000.000	V.5
Phải thu ngắn hạn khác	4.115.768.660	4.129.808.660	V.6
Người mua trả tiền trước	1.136.276.190	1.136.276.190	V.11
Phải trả khác	24.009.012.371	2.910.043.760	V.14
Vay ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	V.15

Bằng những thủ tục thay thế bổ sung khác, chúng tôi cũng không thể xác định được tính đúng đắn của các khoản công nợ nêu trên.

Như đã nêu tại thuyết minh V.3, V.4 về khoản nợ phải thu và ứng trước cho người bán "Vùng sinh thái" trị giá lần lượt là 18.185.311.684 VND và 2.488.806.491 VND là khoản luân chuyển hàng tồn kho nội bộ giữa vùng nuôi và nhà máy sản xuất. Công ty đã ghi nhận doanh thu nội bộ nhưng chưa ghi nhận giá vốn nội bộ cho khoản hàng tồn kho luân chuyển này. Do đó, việc không kết chuyển số dư nợ phải thu không có thực này làm cho lợi nhuận trong năm tăng lên một khoản tương ứng là 20.674.118.175 VND.

Như đã nêu tại thuyết minh V.14, số tiền phải trả cho Công ty cổ phần Châu Á 20.924.157.611 VND được chuyển từ số dư nợ vay của Ngân hàng Phát triển – khu vực Đồng Tháp do phát mãi tài sản thế chấp của bên thứ 3 theo hợp đồng vay số 48/2014/HĐTDXH.SĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 15 tháng 9 năm 2014 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2011/HĐTCQSDTS-NHPT. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng về khoản phải trả cho Công ty cổ phần Châu Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Đến ngày kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn chưa trích lãi vay theo các hợp đồng vay hiện hành với số tiền là 19.555.288.104 VND. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ khoản chi phí này thì lợi nhuận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2016 sẽ giảm xuống một khoản tương ứng.

Ngoài ra, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 119.496.529.992 VND cho số dư nợ phải thu quá hạn trị giá 238.024.996.735 VND. Chúng tôi chưa có cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ chưa được lập dự phòng tương đương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty tiếp tục lỗ lũy kế 419.390.009.989 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 342.358.721.690 VND. Trong đó, tất cả hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên, và chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ. Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và do đó Công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán trái ngược của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, do tầm quan trọng của các vấn đề nêu ở "Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược", Báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần NTACO tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần NTACO cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán phát hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 và từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính đó.

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH PKF Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh



Trương Quang Trung

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2015-242-1

Phạm Thị Anh Khoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1521-2015-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.448.318.908	111.307.152.526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	706.681.689	1.491.188.857
1. Tiền	111		706.681.689	1.491.188.857
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.674.597.536	109.815.963.669
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	155.990.967.027	145.417.476.960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69.530.364.274	69.119.430.474
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10.480.000.000	10.480.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	5.004.018.660	4.129.808.660
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(119.496.529.992)	(119.496.529.992)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		165.777.567	165.777.567
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		67.039.683	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.12	67.039.683	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.968.691.701	52.797.152.477
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		153.989.898	153.989.898
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	307.979.796	307.979.796
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(153.989.898)	(153.989.898)
II. Tài sản cố định	220		42.499.550.186	52.126.230.143
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39.016.130.186	45.642.810.143
<i>Nguyên giá</i>	222		114.989.901.825	115.939.559.159
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(75.973.771.639)	(70.296.749.016)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.483.420.000	6.483.420.000
<i>Nguyên giá</i>	228		3.483.420.000	6.483.420.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	31.814.078
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	31.814.078
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	29.264.358
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253	V.2	1.335.000.000	1.335.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.335.000.000)	(1.305.735.642)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		315.151.617	455.854.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		315.151.617	455.854.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		165.417.010.609	164.104.305.003

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

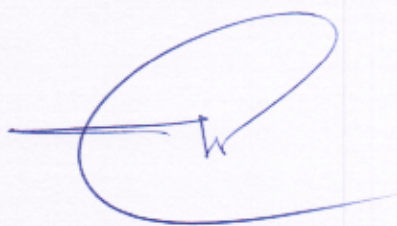
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		464.807.040.598	464.970.381.404
I. Nợ ngắn hạn	310		464.807.040.598	464.970.381.404
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	10.257.597.470	7.779.350.340
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.136.276.190	1.136.276.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	572.085.749	804.852.554
4. Phải trả người lao động	314		1.006.927.000	1.374.702.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	102.285.141.707	102.285.141.707
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	24.483.585.098	3.454.455.195
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	324.824.798.044	347.894.974.078
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	240.629.340	240.629.340
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(299.390.029.989)	(300.866.076.401)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(299.390.029.989)	(300.866.076.401)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	119.999.980.000	119.999.980.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.980.000	119.999.980.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	(419.390.009.989)	(420.866.056.401)
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(420.866.056.401)	(420.866.056.401)
11b. LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.476.046.412	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		165.417.010.609	164.104.305.003



Trần Minh Trọng
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B02-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.761.511.459	84.624.272.838
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.761.511.459	84.624.272.838
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.091.449.777	93.025.232.025
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.670.061.682	(8.400.959.187)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.124.443	1.520.649.431
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	29.264.358	50.774.817.119
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	50.737.708.884
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	82.413.749	658.947.196
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.995.113.123	116.531.097.363
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.570.394.895	(174.845.171.434)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.825.387.472	157.133.159.491
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.987.723.239	407.955.339.340
13. Lợi nhuận khác	40		(162.335.767)	(250.822.179.849)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.408.059.128	(425.667.351.283)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	(67.987.284)	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.476.046.412</u>	<u>(425.667.351.283)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>123</u>	<u>(35.472)</u>

An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2017


 Trần Minh Trọng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thanh Sơn
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B03-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.408.059.128	(425.667.351.283)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	6.517.252.084	7.454.751.947
- Các khoản dự phòng	03	V.2	29.264.358	103.445.981.509
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(24.486)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.029.848.600	32.631.618.805
- Chi phí lãi vay	06		-	50.737.708.884
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.984.424.170	(231.397.314.624)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.925.673.550)	775.758.211
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	398.830.760.408
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.893.312.556	(175.132.046.760)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		140.702.383	4.377.540.379
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(174.612.085)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(15.046.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(907.234.441)	(2.734.960.471)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(81.509.716)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		122.727.273	47.968.240.919
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		122.727.273	47.886.731.203

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	-	(44.537.208.399)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(44.537.208.399)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(784.507.168)	614.562.333
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.491.188.857	876.602.038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	24.486
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	706.681.689	1.491.188.857

Trần Minh Trọng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn
Tổng Giám đốc



An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần NTACO ("Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 08 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1600513044 ngày 11 tháng 04 năm 2007, thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 15 tháng 05 năm 2012.

Tổng vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 119.999.980.000 đồng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 250 người.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Chế biến thủy sản; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến mua bán nông sản; Xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Mua bán phân bón; Gia công hàn tiện, lắp ráp các sản phẩm cơ khí cháy nổ; Sản xuất thức ăn thủy sản; Mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ntaco (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là chế biến thủy sản và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến mua bán nông sản;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty**Các đơn vị trực thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái	Tổ 18, Quốc lộ 91, ấp Bình An I, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
Nhà máy bao bì Vạn Lợi	Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán có đủ hồ sơ chứng minh:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu không còn hồ sơ chứng minh: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng là 50%.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 45
Máy móc và thiết bị	8 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	612.090.571	241.959.850
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.591.118	1.249.229.007
Cộng	706.681.689	1.491.188.857

2. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Âu Việt ⁽ⁱ⁾	1.335.000.000	(1.335.000.000)	1.335.000.000	(1.305.735.642)
Cộng	1.335.000.000	(1.335.000.000)	1.335.000.000	(1.305.735.642)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1501406567 ngày 27 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Âu Việt 1.335.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.305.735.642	-
Trích lập dự phòng bổ sung	29.264.358	1.305.735.642
Số cuối năm	1.335.000.000	1.305.735.642

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	155.990.967.027	145.417.476.960
<u>Các đối tượng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</u>	<u>34.220.611.782</u>	<u>33.960.221.489</u>
Khách vắng lại ^(*)	16.035.300.098	15.774.909.805
Vùng nuôi sinh thái Công ty ^(*)	14.365.311.684	14.365.311.684
Vùng nuôi thủy sản Công ty ^(*)	3.820.000.000	3.820.000.000
<u>Các khách hàng khác</u>	<u>121.770.355.245</u>	<u>111.457.255.471</u>
Công ty Binca Seafoods GMBH	76.317.612.833	65.567.144.430
Pescados P.C.S., S.L	10.816.638.310	10.816.638.310
Global Tradings Ltd	4.182.076.555	4.182.076.555
Công ty TNHH Mekong	577.500.165	577.500.165
Camarones Pena Blanca S.A. De C.V.	958.304.089	958.304.089
Công ty Cổ phần TMDV XNK Thủy sản VIETFISH	221.415.000	221.415.000
Công ty Cổ phần ĐT & PT Đa Quốc Gia I.D.I	39.517.569	39.517.569

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy sản Panga Mekong	39.818.666	39.818.666
Cao Văn Giàu	12.135.000.000	12.135.000.000
Ngô Thanh Liêm	10.891.244.000	10.891.244.000
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	2.031.252.166	2.266.967.195
Các khách hàng khác	3.559.975.892	3.761.629.492
Cộng	155.990.967.027	145.417.476.960

^(*) Các khoản công nợ không có đối tượng.**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	69.119.430.474	69.119.430.474
<u>Các đối tượng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</u>	<u>68.666.843.861</u>	<u>68.666.843.861</u>
Ngô Thanh Liêm	47.679.641.787	47.679.641.787
Cao Văn Giàu	5.666.267.593	5.666.267.593
Nguyễn Thành Long	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thành Công	7.832.127.990	7.832.127.990
Vùng nuôi thủy sản Công ty ^(*)	2.488.806.491	2.488.806.491
<u>Các đối tượng khác</u>	<u>863.520.413</u>	<u>452.586.613</u>
Các nhà cung cấp khác	863.520.413	452.586.613
Cộng	69.530.364.274	69.119.430.474

^(*) Khoản công nợ không có đối tượng.**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.480.000.000	10.480.000.000
Bà Trịnh Thị Kim Sang	2.000.000.000	2.000.000.000
Bà Lê Thị Phụng	1.600.000.000	1.600.000.000
Ông Lâm Hồng Nam	1.500.000.000	1.500.000.000
Bà Lê Thị Lệ Thủy	1.500.000.000	1.500.000.000
Bà Trần Thị Bích Ngọc	1.200.000.000	1.200.000.000
Bà Lâm Thị Phượng	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Trương Thị Bảy	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiền	600.000.000	600.000.000
Ông Trần Văn Sê	80.000.000	80.000.000
Cộng	10.480.000.000	10.480.000.000

Các khoản cho cá nhân vay với lãi suất với 1,2%/tháng. Các khoản cho vay này chưa có hợp đồng vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	860.000.000	-	-	-
<i>Nguyễn Thanh Sơn</i>	860.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.144.018.660	(365.764.219)	4.129.808.660	(365.764.219)
Các khoản phải thu không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ	3.007.928.437	(365.764.219)	3.007.928.437	(365.764.219)
Các khoản khác	1.136.090.223	-	1.121.880.223	-
Cộng	5.004.018.660	(365.764.219)	4.129.808.660	(365.764.219)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	307.979.796	(153.989.898)	307.979.796	(153.989.898)
Ký cược, ký quỹ	307.979.796	(153.989.898)	307.979.796	(153.989.898)
Cộng	307.979.796	(153.989.898)	307.979.796	(153.989.898)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Phải thu và cho vay ngắn hạn	Phải thu và cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(119.496.529.992)	(153.989.898)	(119.650.519.890)
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-	-	-
Số cuối năm	(119.496.529.992)	(153.989.898)	(119.650.519.890)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	42.706.811.823	70.072.320.720	2.033.579.532	1.126.847.084	115.939.559.159
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(949.657.334)	-	(949.657.334)
Số cuối năm	42.706.811.823	70.072.320.720	1.083.922.198	1.126.847.084	114.989.901.825
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	406.189.964	28.220.478.635	143.875.800	802.123.536	29.572.667.935
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.684.115.196	50.047.760.480	1.506.232.181	1.058.641.159	70.296.749.016
Khấu hao trong năm	2.272.778.749	4.009.363.957	188.970.373	46.139.005	6.517.252.084
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(840.229.461)	-	(840.229.461)
Số cuối năm	19.956.893.945	54.057.124.437	854.973.093	1.104.780.164	75.973.771.639

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	25.022.696.627	20.024.560.240	527.347.351	68.205.925	45.642.810.143
Số cuối năm	22.749.917.878	16.015.196.283	228.949.105	22.066.920	39.016.130.186

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 39.016.130.186 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

9. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	6.483.420.000	-	6.483.420.000
Giảm khác (*)	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Số cuối năm	3.483.420.000	-	3.483.420.000

(*) Điều chỉnh giảm giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 5553 thuộc phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang thực hiện phát mãi tài sản thế chấp được đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.580.440.625	65.882.595
Bà Nguyễn Thị Dung	2.580.440.625	65.882.595
Phải trả các nhà cung cấp khác	7.677.156.845	7.713.467.745
Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321
Công ty Cổ phần Âu Việt	6.000.000.000	6.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	803.697.524	840.008.424
Cộng	10.257.597.470	7.779.350.340

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	1.136.276.190	1.136.276.190
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản		
Thực phẩm An Giang	67.227.930	67.227.930
Các khách hàng khác	427.087.500	427.087.500
Các khách hàng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ	641.960.760	641.960.760
Cộng	1.136.276.190	1.136.276.190

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	357.538.888	1.097.425.941	(1.325.848.352)	-	129.116.477
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.535.731	(8.535.731)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.133.562	(11.133.562)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.467.990	43.519.294	-	67.987.284	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.012.854	122.887.400	(103.363.804)	-	28.536.450
Thuế tài nguyên	1.200.000	7.200.000	(6.600.000)	-	1.800.000
Tiền thuê đất	398.283.480	796.566.960	(796.566.960)	-	398.283.480
Các loại thuế khác	14.349.342	5.000.000	(5.000.000)	-	14.349.342
Cộng	804.852.554	2.092.268.888	(2.257.048.409)	67.987.284	572.085.749

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Gia công	5%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	10%
Cá fillet và phụ phẩm cá tươi	Không chịu thuế

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 52121000085 của UBND tỉnh An Giang ký ngày 10 tháng 10 năm 2007, đối với dự án Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu, và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo.

Các thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất theo thuế suất phổ thông.

Công ty xác định trong năm 2016 không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	102.285.141.707	102.285.141.707
Chi phí lãi vay phải trả	102.285.141.707	102.285.141.707
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	70.316.370.363	70.316.370.363
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang	3.610.335.972	3.610.335.972
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	25.429.302.689	25.429.302.689
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh An Giang	2.074.770.467	2.074.770.467
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	854.362.216	854.362.216
Cộng	102.285.141.707	102.285.141.707

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	30.247.360	47.383.360
BHXH, BHYT, BHTN	444.325.367	497.028.075
Công ty Cổ phần Châu Á (*)	20.924.157.611	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.084.854.760	2.910.043.760
Cộng	24.483.585.098	3.454.455.195

(*) Số tiền phải trả Công ty Cổ phần Châu Á do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang thực hiện phát mãi tài sản bảo lãnh của bên thứ ba – Công ty Cổ phần Châu Á - cho khoản vay của Công ty (xem thuyết minh V.15).

15. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay Bà Nguyễn Thị Dung ^(vi)				
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	324.824.798.044	-	347.894.974.078	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	323.824.798.044	-	346.894.974.078	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	236.613.778.977	-	238.709.797.400	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	28.780.000.000	-	28.780.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	53.317.842.389	-	74.292.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(iv)	3.512.715.551	-	3.512.715.551	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ^(v)	1.600.461.127	-	1.600.461.127	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ông Dương Thái Nguyên ^(vi)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	324.824.798.044	-	347.894.974.078	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng hạn mức tín dụng 201/2010/NHNT.AG ngày 15/6/2010 và các hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm theo hợp đồng 201/2010/NTNT.AG) với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất nhà máy, văn phòng làm việc và máy móc thiết bị.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 22/5/2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là Quyền sở hữu công trình xây dựng, máy móc, thiết bị.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng số 48/2014/HĐTDXH.SĐ-NPPT-ĐT.AG, ngày 19/5/2014. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất, cầm cố sổ dư tiền gửi và lãi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi, bao gồm: tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Châu Á. Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2011/HĐTCQSDTS-NHPT. Cầm cố sổ dư tiền gửi của Công ty Cổ phần Ntaco tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Cầm cố lãi tiền gửi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi được tính bổ sung vào giá trị tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTD-DN.LX ngày 20 tháng 05 năm 2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng tồn kho cá thành phẩm.
- (v) Khoản Vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDTN2-VIB621/1.1 ngày 16/03/2011 và các phụ lục hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa fillet xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển là các loại cá tra fillet thành phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu được bảo quản tại kho 1 và kho 2 của công ty tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, KCN phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất bột cá từ phế phẩm cá tra, basa.
- (vi) Khoản vay Ông Dương Thái Nguyên và Bà Nguyễn Thị Dung không có tài sản đảm bảo với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển khác (*)	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	346.894.974.078	(23.070.176.034)	323.824.798.044
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	347.894.974.078	(23.070.176.034)	324.824.798.044

Toàn bộ các khoản vay trên đều đã quá hạn thanh toán.

- (*) Khoản giảm tiền vay do phát mãi tài sản đảm bảo của bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Châu Á và giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 5553 thuộc phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu của Công ty thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	237.711.277	-	237.711.277
Quỹ phúc lợi	2.918.063	-	2.918.063
Cộng	240.629.340	-	240.629.340

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	119.999.980.000	4.801.294.882	124.801.274.882
Lợi nhuận trong năm trước	-	(425.667.351.283)	(425.667.351.283)
Số dư cuối năm trước	119.999.980.000	(420.866.056.401)	(300.866.076.401)
Số dư đầu năm nay	119.999.980.000	(420.866.056.401)	(300.866.076.401)
Lợi nhuận trong năm nay	-	1.476.046.412	1.476.046.412
Số dư cuối năm nay	119.999.980.000	(419.390.009.989)	(299.390.029.989)

17b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**18a. Tài sản nhận giữ hộ**

	Số lượng	Chủng loại	Quy cách	Phẩm chất
Thành phẩm gia công cho Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	126.576,74 kg	Cá fillet	BLOCK – IQF	Bình thường

18b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	559,35	1.100,00
Euro (EUR)	255,55	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	14.182.176.187	23.199.090.282
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.579.335.272	53.434.775.328
Doanh thu khác	-	7.990.407.228
Cộng	60.761.511.459	84.624.272.838

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.196.033.465	38.046.735.638
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.895.416.312	39.437.432.573
Giá vốn khác	-	15.541.063.814
Cộng	50.091.449.777	93.025.232.025

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	50.737.708.884
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	37.108.235
Dự phòng tổn thất đầu tư	29.264.358	-
Cộng	29.264.358	50.774.817.119

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	14.717.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.823.749	626.083.608
Các chi phí khác	13.590.000	18.146.383
Cộng	82.413.749	658.947.196

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.109.306.246	4.876.274.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	513.821.973	135.290.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340.219.990	2.566.945.127
Thuế, phí và lệ phí	811.028.696	90.556.597
Dự phòng phải thu khó đòi	-	5.423.014.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.151.865.090	929.219.705
Các chi phí khác	1.068.871.128	1.320.801.463
Cộng	8.995.113.123	15.342.102.062

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13.299.400	-
Thu tiền điện vùng nuôi cho thuê	1.123.921.971	2.250.561.789
Thu nhập từ xử lý công nợ	478.080.919	154.795.971.903
Thu nhập từ thanh lý công cụ, nguyên liệu	75.189.090	-
Thu nhập khác	134.896.092	86.625.799
Cộng	1.825.387.472	157.133.159.491

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.043.148.000	34.143.618.805
Xử lý công nợ	630.422.389	2.552.200.000
Xử lý hàng tồn kho theo kiểm kê	-	364.373.357.559
Tiền điện	-	2.250.561.889
Xử lý thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	70.442.450	3.627.085.443
Chi phí bồi thường hợp đồng	140.511.000	-
Chi phí khác	103.199.400	1.008.515.644
Cộng	1.987.723.239	407.955.339.340

8. Lãi trên cổ phiếu**Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.519.194.412	(425.667.351.283)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.519.194.412	(425.667.351.283)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.999.998	11.999.998
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	123	(35.472)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.999.998	11.999.998
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.999.998	11.999.998

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.698.311.392	549.110.227
Chi phí nhân công	29.961.588.000	25.753.408.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.517.252.084	7.454.751.947
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.169.720.671	1.067.990.115
Chi phí khác	1.822.104.502	122.533.560.015
Cộng	59.168.976.649	157.358.820.587

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Tuấn Anh		
Xóa nợ phải trả	-	14.409.179.457
Ông Nguyễn Tuấn Sĩ		
Thu lại tiền ứng trước	-	9.227.086.320
Thành viên Ban Tổng giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Dung		
Trả trước hàng sinh thái	-	8.800.124.891
Thu tiền trả trước hàng sinh thái	-	8 867 024 975
Mua nguyên liệu	4.412.751.030	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.6a và V.10.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.696.880.000 VND (năm trước là 372.000.000 VND).

2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

2a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và cho vay.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.681.689	-	-	-	706.681.689
Phải thu khách hàng	76.433.623.186	-	-	79.557.343.841	155.990.967.027
Các khoản cho vay	-	-	-	10.480.000.000	10.480.000.000
Các khoản phải thu khác	4.272.490.223	-	-	1.039.508.233	5.311.998.456
Cộng	81.412.795.098	-	-	91.076.852.074	172.489.647.172
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.491.188.857	-	-	-	1.491.188.857
Phải thu khách hàng	2.530.479.245	-	-	142.886.997.715	145.417.476.960
Các khoản cho vay	-	-	-	10.480.000.000	10.480.000.000
Các khoản phải thu khác	3.393.320.223	-	-	1.039.508.233	4.432.828.456
Cộng	7.414.988.325	-	-	154.406.505.948	161.821.494.273

2b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	324.824.798.044	-	-	324.824.798.044
Phải trả người bán	10.257.597.470	-	-	10.257.597.470
Chi phí phải trả	102.285.141.707	-	-	102.285.141.707
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	572.085.749	-	-	572.085.749
Phải trả người lao động	1.006.927.000	-	-	1.006.927.000
Các khoản phải trả khác	24.483.585.098	-	-	24.483.585.098
Cộng	463.430.135.068	-	-	463.430.135.068

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	347.894.974.078	-	-	347.894.974.078
Phải trả người bán	7.779.350.340	-	-	7.779.350.340
Chi phí phải trả	102.285.141.707	-	-	102.285.141.707
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	804.852.554	-	-	804.852.554
Phải trả người lao động	1.374.702.000	-	-	1.374.702.000
Các khoản phải trả khác	3.454.455.195	-	-	3.454.455.195
Cộng	463.593.475.874	-	-	463.593.475.874

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty khó có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chỉ liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản cho với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 324.824.798.044 VND (số đầu năm là 347.894.974.078 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 5.197.196.769 VND (năm trước giảm/tăng 5.566.319.585 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền	706.681.689	-	1.491.188.857	-
Phải thu khách hàng	155.990.967.027	(79.557.343.841)	145.417.476.960	(79.557.343.841)
Các khoản cho vay	10.480.000.000	(5.240.000.000)	10.480.000.000	(5.240.000.000)
Các khoản phải thu khác	5.311.998.456	(519.754.117)	4.432.828.456	(519.754.117)
Cộng	172.489.647.172	(85.317.097.958)	161.821.494.273	(85.317.097.958)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

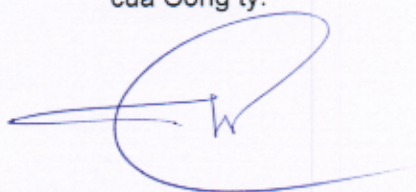
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	324.824.798.044	347.894.974.078
Phải trả người bán	10.257.597.470	7.779.350.340
Chi phí phải trả	102.285.141.707	102.285.141.707
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	572.085.749	804.852.554
Phải trả người lao động	1.006.927.000	1.374.702.000
Các khoản phải trả khác	24.483.585.098	3.454.455.195
Cộng	463.430.135.068	463.593.475.874

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 419.390.009.989 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 342.358.721.690 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Trần Minh Trọng
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

An giang, ngày 08 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH SƠN

Số đầu năm	Số cuối năm
347.884.874.078	334.324.788.044
7.770.380.340	10.287.887.470
103.282.441.707	103.282.441.707
804.882.884	872.089.248
1.374.702.008	1.008.807.000
3.424.484.106	34.483.985.092
483.882.478.874	483.430.125.082

An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Trần Minh Trọng
Kế toán trưởng